

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HS-ST  
Ngày: 15/9/2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đinh Thành Nam.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Kiêm và bà Lê Thị Thu Hiền.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. **Trần Quang B**, sinh năm 1968; nơi cư trú: T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Sy (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 27/5/2022 đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Y, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Q và bà Đỗ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 27/5/2022 đến nay; có mặt.

3. **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị G; có chồng là Nguyễn Văn L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 27/5/2022 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị T, ông Đặng Xuân T, bà Doãn Thị N, bà Trần Thị Kim Q, ông Trương Văn T, bà Lê Thị Ngọc T, ông Vũ Đình H, ông Đỗ Văn H; đều vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Phạm Cao C; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với ý định mua bán Giấy khám sức khỏe giả kiểm lời nên đầu tháng 03/2022, Nguyễn Thị T hỏi Nguyễn Văn Đ (là người cùng làm công nhân với T ở thị xã Duy Tiên) xem có mua được Giấy khám sức khỏe giả thì bán cho T. Sau đó Nguyễn Văn Đ đi mua của Trần Quang B 01 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 70.000 đồng và mang về bán lại cho T với giá 100.000 đồng. T bán tờ Giấy khám sức khỏe này cho một người phụ nữ lạ mặt tại khu vực dưới gầm cầu Châu Giang, thuộc địa phận xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam với giá 135.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 03/2022, Đ tiếp tục mua của B 01 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 70.000 đồng rồi mang về bán cho T với giá 100.000 đồng. Sau đó T bán tờ Giấy khám sức khỏe giả này cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực Âu Tác Giang thuộc địa phận xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam với giá 140.000 đồng.

Đến đầu tháng 4/2022, có một người nam giới sử dụng số điện thoại 0941.213.052 gọi điện vào số điện thoại 0946.488.451 của T liên hệ hỏi mua 04 tờ Giấy khám sức khỏe và một người nam giới sử dụng số điện thoại 0914.001.070 gọi vào số điện thoại 0946.488.451 của T hỏi mua 05 tờ Giấy khám sức khỏe, T đều đồng ý. Sau đó, T đến gặp Đ đưa cho Đ số tiền 300.000 đồng để mua 03 tờ Giấy khám sức khỏe giả, Đ đi đến gặp B mua 03 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 200.000 đồng, vài ngày sau T tiếp tục đặt mua của Đ thêm 06 tờ giấy khám sức khỏe giả nữa. Chiều ngày 22/4/2022, Đ đến gặp B hỏi mua 06 tờ Giấy khám sức khỏe giả, nhưng B hẹn hôm sau mới có. Sáng ngày 23/4/2022, Đ đến gặp và mua của B 06 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 400.000 đồng (nhưng nợ tiền chưa trả). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi hết giờ làm, Đ gặp và đưa cho Thu 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả tại Xưởng cơ khí Hc thuộc địa phận thôn Đ, xã C, thị xã D, T trả cho Đ 500.000 đồng còn nợ lại 100.000 đồng (*do trước đó T đã đưa cho Đ số tiền 300.000 đồng*). Trên đường đi làm về, T hẹn người nam giới có số điện thoại 0941.213.052 để bán 04 tờ Giấy khám sức khỏe giả tại đầu cầu H (hay gọi là cầu bà D) thuộc địa phận xã C, huyện L và hẹn người nam giới có số điện thoại 0914.001.070 để bán 05 tờ Giấy khám sức khỏe giả tại thị trấn V, huyện L. Khi T đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 90B2 - 978.93 trên đường ĐT492 thuộc địa phận thôn 4, xã C, huyện L thì bị Tổ công tác của Công an huyện Lý Nhân yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên giá đèo hàng giữa xe mô tô biển kiểm soát: 90B2 - 978.93 do T điều khiển có 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả có chữ ký và hình dấu đỏ của Trung tâm y tế huyện D. Tại chỗ Nguyễn Thị T khai nhận 09 tờ

Giấy khám sức khỏe này là giả do T mua của Nguyễn Văn Đ và đang trên đường mang đi bán lại cho 02 người nam giới đã hẹn trước để kiểm lời.

Ngày 24/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T tại thôn 1, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; của Nguyễn Văn Đ tại thôn Y, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam và của Trần Quang B tại thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Kết quả khám xét: không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký của các y, bác sỹ và mẫu dấu của Trung tâm y tế huyện Duy Tiên để làm mẫu so sánh; ngày 28/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân ra Quyết định trưng cầu Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định tài liệu đối với 09 tờ Giấy khám sức khỏe đã thu giữ, niêm phong của Nguyễn Thị T.

Tại bản kết luận giám định số 209/PC09-TL ngày 14/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

*“1. Người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Y sỹ Trần Thị Kim Q trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 không ký, viết ra chữ ký tại dòng chữ “Phân loại thể lực” và chữ ký đứng tên Y sỹ Trần Thị Kim Q, dòng chữ viết “Y sỹ Trần Thị Kim Q” dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ ký đứng tên Y sỹ Trần Thị Kim Q, dòng chữ viết “Y sỹ Trần Thị Kim Q” dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.*

*2. Người có mẫu chữ ký đứng tên BS:Doãn Thị N trên tài liệu mẫu ký hiệu M4, M5, M6 không ký ra chữ ký đứng tên BS Doãn Thị N dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ ký đứng tên BS Doãn Thị N dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.*

*3. Con dấu đóng ra hình dấu chức danh có nội dung “BS:Doãn Thị N” trên tài liệu mẫu ký hiệu M4, M5, M6 không đóng ra hình dấu chức danh có cùng nội dung dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Hình dấu chức danh có nội dung “BS: Doãn Thị N” dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.*

*4. Người có mẫu chữ ký đứng tên BS:Vũ Đình H trên tài liệu mẫu ký hiệu M7, M8, M9 không ký ra chữ ký đứng tên BS:Vũ Đình H dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ ký đứng tên BS:Vũ Đình H dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.*

*5. Con dấu đóng ra hình dấu chức danh có nội dung “BS.Vũ Đình H” trên tài liệu mẫu ký hiệu M7, M8, M9 không đóng ra hình dấu chức danh có cùng nội dung dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Hình dấu chức danh có nội dung “BS.Vũ Đình H” dưới*

mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.

6. Người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Lê T.Ngọc T trên tài liệu mẫu ký hiệu M10, M11, M12 không ký, viết ra chữ đứng tên Lê T.Ngọc T và dòng chữ viết “Lê T.Ngọc T” dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ ký đứng tên Lê T.Ngọc T và dòng chữ viết “Lê T.Ngọc T” dưới mục “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.

7. Người có mẫu chữ ký đứng tên Trương Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M13, M14, M15 không ký ra chữ ký đứng tên KT.Giám đốc - Phó Giám đốc Trương Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ ký đứng tên KT.Giám đốc - Phó Giám đốc Trương Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.

8. Con dấu đóng ra hình dấu chức danh có nội dung “KT.GIÁM ĐỐC - PHÓ GIÁM ĐỐC - TRƯƠNG VĂN TR” trên tài liệu mẫu ký hiệu M16, M17, M18 không đóng ra hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Hình dấu chức danh có nội dung “KT.GIÁM ĐỐC - PHÓ GIÁM ĐỐC - TRƯƠNG VĂN T” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.

9. Con dấu đóng ra hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUY TIÊN” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M19 đến M23 không đóng ra hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM Y TẾ H.DUY TIÊN” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.

10. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết nội dung “Duy Tiên - 16 - 4 - 22”, “16 - 4 - 22”, “27 - 3 - 22”, “28 - 3 - 22”, “Duy Tiên - 28 - 3 - 22” tại mục “ngày - tháng - năm” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 so với chữ viết của Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Trần Quang B trên tài liệu mẫu ký hiệu: từ M24 đến M35 là do ai viết ra.

11. Người có mẫu chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ Trần Quang B, Trần Thị Kim Quyết, Lê Thị Ngọc Thanh, Doãn Thị Ngân trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M24 đến M38 không viết ra chữ viết phân nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9. Chữ viết phân nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 được tạo ra bằng phương pháp in laser.”

Về nguồn gốc 09 Giấy khám sức khỏe giả đã thu giữ, quá trình điều tra Trần Quang B khai: Khoảng đầu tháng 03/2022, có một đối tượng nam giới không quen biết đến cửa hàng photo nhà Trần Quang B và đặt vấn đề bán Giấy khám sức khỏe giả cho B với giá 45.000 đồng/1 tờ. B mua của người này 20 tờ Giấy khám sức khỏe giả sau đó bán cho Đ 11 tờ với giá 70.000 đồng/1 tờ, còn lại 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả B không nhớ bán cho những ai. Sau đó Đ bán lại 11 tờ Giấy khám sức khỏe giả cho T với giá 100.000 đồng/1 tờ, số Giấy khám sức khỏe giả này thì T bán 01 tờ cho cho một người phụ nữ không rõ nhân

thân, lai lịch với giá 135.000 đồng/1 tờ tại khu vực dưới gầm cầu Châu Giang, thuộc địa phận xã C, huyện L, tiếp đó T lại bán 01 tờ cho một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch với giá 140.000 đồng/1 tờ tại khu vực Âu Tác Giang thuộc địa phận xã N, huyện L, còn lại 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả T đang trên đường mang đi bán thì bị bắt giữ.

\* Vật chứng của vụ án:

- Đối với 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả đã thu giữ được hoàn trả sau giám định được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen thu giữ của Nguyễn Thị T, 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ, tài liệu điều tra xác định T và Đ đã sử dụng vào việc liên lạc để mua bán Giấy khám sức khỏe giả.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát: 90B2 – 978.93 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị T; 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T và số tiền 75.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Thị T, tài liệu điều tra xác định chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe, Căn cước công dân là tài sản, giấy tờ hợp pháp của T; số tiền 75.000 đồng là tiền thu lời từ việc bán Giấy khám sức khỏe giả mà có; Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ và số tiền 330.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Văn Đ, tài liệu điều tra xác định 01 Căn cước công dân là giấy tờ hợp pháp của Đ không liên quan đến vụ án; số tiền 330.000 đồng là tiền thu lời từ việc bán Giấy khám sức khỏe giả mà có; Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A70 màu xanh; 01 Căn cước công dân mang tên Trần Quang B và số tiền 500.000 đồng thu giữ của Trần Quang B, tài liệu điều tra xác định chiếc điện thoại cùng 01 Căn cước công dân là tài sản, giấy tờ hợp pháp của B không liên quan đến vụ án; số tiền 500.000 đồng là tiền thu lời từ việc bán Giấy khám sức khỏe giả mà có.

Ngày 13/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại Căn cước công dân cho Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Trần Quang B

Số vật chứng còn lại đã chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lý Nhân.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSLN ngày 03/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Xử phạt bị cáo Trần Quang B từ 30 tháng đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm; các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời

gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Áp dụng khoản 4 Điều 341 và Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Trần Quang B và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước, phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước và đồng thời đề xuất hướng xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T đều đã khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý nhân đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người làm chứng và người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

*Do đó đủ cơ sở kết luận:* Khoảng đầu tháng 3/2022 Trần Quang B đã 02 lần mua của đối tượng không quen biết tổng số 20 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 45.000 đồng/1 tờ. Sau đó trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến cuối tháng 4/2022, Trần Quang B đã 04 lần bán lại cho Nguyễn Văn Đ với tổng số 11 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 70.000 đồng/1 tờ (lần thứ nhất 01 tờ, lần thứ hai 01 tờ, lần thứ ba 03 tờ, lần thứ tư 06 tờ), còn lại 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả B bán cho một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch. Sau đó Nguyễn Văn Đ đã 03 lần bán lại cho Nguyễn Thị T 11 tờ Giấy khám sức khỏe giả mà Đ mua được với giá 100.000 đồng/1 tờ (lần thứ nhất 01 tờ, lần thứ hai 01 tờ, lần thứ ba 09 tờ). Nguyễn Thị T sau khi mua được 11 tờ Giấy khám sức khỏe giả của Đ đã 02 lần bán cho 02 đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch (mỗi lần 01 tờ) với giá lần lượt là 135.000 đồng/1 tờ và 140.000 đồng/1 tờ. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2022, tại đoạn đường ĐT492 thuộc địa phận thôn 4, xã C, huyện L, khi Nguyễn Thị T đang mang 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả còn lại để bán cho 02 người đối tượng đã hẹn trước thì bị Tổ công tác của Công an huyện Lý Nhân dừng xe kiểm tra phát hiện, lập biên bản thu giữ.

Hành vi nêu trên của Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

*Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật .*

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và những vấn đề liên quan đến vụ án; đồng thời thể hiện sự ăn năn hối cải trước pháp luật và mong muốn sửa chữa lỗi lầm. Số tiền các bị cáo thu lợi từ việc bán giấy khám sức khỏe giả không đáng kể; đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra bị cáo Trần Quang B có bố để được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có hoàn cảnh khó khăn, có vợ là chị Nguyễn Thị L được Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và nhiều năm được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, giấy khen; bị cáo Nguyễn Thị T có bố chồng Nguyễn Văn L tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có chồng là Nguyễn Văn L đang hưởng chế độ chất độc hóa học loại II, bị điếc, mù 1 mắt bẩm sinh, thiếu năng trí tuệ; qua xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi 02 con nhỏ ăn học (cháu lớn sinh năm 2009, cháu nhỏ sinh năm 2014), là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Văn Đ có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2021) và là lao động chính trong gia đình - Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình nhưng vẫn thực hiện để kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T đều thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không có sự thỏa thuận, phân chia lợi nhuận và đều là người thực hành nên có vai trò như nhau.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của

các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo là người lao động luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và quy định của địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đây cũng là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, có nhân thân và hoàn cảnh như các bị cáo, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tạo điều kiện cơ hội cho các bị cáo tự rèn luyện, sửa chữa và thấy được chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội đều có mục đích thu lời bất chính, để đảm bảo tính răn đe và nghiêm trị loại tội phạm này, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung (là phạt tiền) đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cũng cần phải xem xét về hoàn cảnh thực tế của các bị cáo nên cần giảm một phần hình phạt bổ sung (là phạt tiền) cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 09 tờ Giấy khám sức khỏe giả đã thu giữ được hoàn trả sau giám định được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 90B2 – 978.93, loại xe Wave, màu trắng đen bạc, số khung 3914KY216405, số máy JA39E1074952 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 150167 đăng ký biển kiểm soát 90B2 – 978.93 mang tên Nguyễn Thị T. Bị cáo T dùng để làm phương tiện đi lại hàng ngày nên trả lại bị cáo Nguyễn Thị T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen đã cũ, có số Model M2004J9G, bên trong điện thoại có lắp 01 sim itel có mã số 898408100 08726070281 và 01 sim 4G mã số 8984020001 0585881618 thu của bị cáo Nguyễn Thị T và 01 điện thoại Oppo A37, vỏ ngoài màu trắng, số seri 51b9082, số IMEI1: 864543033315171, số IMEI2: 864543033315163 bên trong có lắp 01 sim viettel 4G có mã số 8984048000002487993 thu của bị cáo Nguyễn Văn Đ; các bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán giấy khám sức khỏe giả nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại samsung galaxy A70, vỏ ngoài màu xanh, số seri R58M562R48X, số IMEI1: 355915101794337, số IMEI2: 355916101794335, bên trong lắp 01 sim vinaphone trên có ghi mã số 89840200010937054898 và

01 sim viettel 4G có mã số 8984048000383335234 thu của Trần Quang B không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo B.

- Đối với số tiền 905.000 đồng (trong đó, Trần Quang B đã giao nộp 500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ đã giao nộp 330.000 đồng; Nguyễn Thị T đã giao nộp 75.000 đồng) đây là tiền bất chính thu lời từ việc mua bán giấy tờ giả nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng nam giới đã bán 20 tờ Giấy khám sức khỏe giả cho Trần Quang B và những đối tượng đã mua Giấy khám sức khỏe giả của Trần Quang B, Nguyễn Thị T. Do khi bán B và T không biết thông tin gì về lai lịch, nhân thân của những đối tượng đã mua và đối với đối tượng sử dụng số điện thoại 0914.001.070 gọi điện hỏi mua giấy khám sức khỏe giả của Nguyễn Thị T, kết quả xác minh đăng ký chủ thuê bao số điện thoại trên là Nguyễn Thị T, sinh năm 2000, trú tại xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị T xác định không sử dụng số điện thoại 0914.001.070, mặt khác Nguyễn Thị T khai nhận người liên hệ mua giấy khám sức khỏe giả là nam giới; đối với đối tượng sử dụng số điện thoại 0941.213.052 đã gọi điện hỏi mua giấy khám sức khỏe giả của Nguyễn Thị T, kết quả xác minh đăng ký chủ thuê bao là Đặng Xuân T, sinh năm 1999, trú tại thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình điều tra, Công an xã Đ cung cấp tại thôn Văn Kênh, xã Đ, không có trường hợp nào tên Đặng Xuân T, sinh năm 1999, chỉ có ông Đặng Xuân T, sinh năm 1971, ông T xác định không sử dụng số điện thoại 0941.213.052. Do duy nhất chỉ có lời khai của Trần Quang B và Nguyễn Thị T, ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự đối với các bị cáo:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T phạm tội: *“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*.

Xử phạt bị cáo Trần Quang B 33 (ba mươi ba) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Giao bị cáo Trần Quang B cho Ủy ban nhân dân xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**2. Hình phạt bổ sung:** Căn cứ khoản 4 Điều 341 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền: Bị cáo Trần Quang B 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), bị cáo Nguyễn Văn Đ 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), bị cáo Nguyễn Thị T 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát: 90B2 – 978.93, loại xe Wave, màu trắng đen bạc, số khung 3914KY216405, số máy JA39E1074952 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 150167 đăng ký biển kiểm soát 90B2 - 978.93 mang tên Nguyễn Thị T

- Trả lại bị cáo Trần Quang B 01 điện thoại samsung galaxy A70, vỏ ngoài màu xanh, số seri R58M562R48X, số IMEI1: 355915101794337, số IMEI2: 355916101794335, bên trong lắp 01 sim vinaphone trên có ghi mã số 89840200010937054898 và 01 sim viettel 4G có mã số 8984048000383335234

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen đã cũ, có số Model M2004J9G, bên trong điện thoại có lắp 01 sim itel có mã số 898408100 08726070281 và 01 sim 4G mã số 8984020001 0585881618 thu của bị cáo Nguyễn Thị T và 01 điện thoại Oppo A37, vỏ ngoài màu trắng, số seri 51b9082, số IMEI1: 864543033315171, số IMEI2: 864543033315163 bên trong có lắp 01 sim viettel 4G có mã số 8984048000002487993 thu của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 905.000 đồng (trong đó, Trần Quang B đã giao nộp 500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ đã giao nộp 330.000 đồng; Nguyễn Thị T đã giao nộp 75.000 đồng).

*(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng, số hiệu được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 05/8/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân).*

**4. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Quang B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT- Cơ quan Cảnh sát điều tra;  
cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện  
Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thành Nam**